

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 20

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007.

Công ty

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hoá từ Công ty Gạch men Thanh Thanh (Doanh nghiệp Nhà nước), đơn vị thành viên của Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1760/QĐ-BXD ngày 22/12/2003 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và thay đổi lần thứ tư 08/6/2006.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Bà Phan Thị Mỹ Linh	Chủ tịch
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên
Ông Vũ Tam Đạo	Thành viên
Bà Châu Thị Diệu Phương	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm 2007 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Hưng Lương	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hiến Chương	Phó Tổng Giám đốc

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang số 05 đến trang số 20 kèm theo.

Công ty đã tạm chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 28/4/2007, tỷ lệ chia cổ tức là 13%.

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoại sự kiện về giảm giá cổ phiếu nêu tại Thuyết minh số 25, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,

Phan Thị Mỹ Linh

Chủ tịch

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Số: /2008/CPAVN/BCKT-BCTC

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh**

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong xử lý kế toán

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị lợi thế thương mại phát sinh khi cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước trong năm 2004. Theo quy định hiện hành, lợi thế thương mại cần được trình bày như một khoản chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 3 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang trình bày giá trị lợi thế thương mại như một tài sản cố định vô hình và trích khấu hao trong vòng 20 năm.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề hạn chế đã nêu ở trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Nguyễn Hải Ninh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0151/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2008

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Đơn vị tính: VND)

MS	TÀI SẢN	TM	31/12/2007	31/12/2006
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		92.761.824.878	101.076.902.430
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		4.835.430.009	3.536.497.354
111	Tiền	5	4.835.430.009	3.536.497.354
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.755.000.000	-
121	Đầu tư ngắn hạn	6	3.755.000.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		27.571.710.257	29.986.799.424
131	Phải thu khách hàng		25.163.057.797	26.006.993.206
132	Trả trước cho người bán		1.970.258.352	66.849.784
135	Các khoản phải thu khác		438.394.108	3.912.956.434
140	Hàng tồn kho		56.237.895.647	67.248.226.909
141	Hàng tồn kho	7	56.774.160.647	68.544.454.909
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7	(536.265.000)	(1.296.228.000)
150	Tài sản ngắn hạn khác		361.788.965	305.378.743
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		248.921.768	-
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		75.932.997	77.954.520
158	Tài sản ngắn hạn khác		36.934.200	227.424.223
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		90.742.384.139	105.782.001.841
210	Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	Tài sản cố định		88.731.475.047	103.680.183.657
221	Tài sản cố định hữu hình	9	84.727.189.236	100.103.684.555
222	Nguyên giá		228.774.342.300	226.967.691.397
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(144.047.153.064)	(126.864.006.842)
227	Tài sản cố định vô hình	10	3.366.116.794	3.576.499.102
228	Nguyên giá		4.207.646.000	4.207.646.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(841.529.206)	(631.146.898)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	638.169.017	-
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.920.000.000	1.920.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11	1.920.000.000	1.920.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		90.909.092	181.818.184
261	Chi phí trả trước dài hạn		90.909.092	181.818.184
270	TỔNG TÀI SẢN		183.504.209.017	206.858.904.271

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Đơn vị tính: VND)

MS	NGUỒN VỐN	TM	31/12/2007	31/12/2006
300	NỢ PHẢI TRẢ		133.753.531.670	159.988.773.789
310	Nợ ngắn hạn		128.358.397.532	154.302.313.895
311	Vay và nợ ngắn hạn	12	58.950.708.017	87.974.308.764
312	Phải trả người bán		56.282.939.257	51.958.665.662
313	Người mua trả tiền trước		640.029.237	68.574.325
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.018.258	869.950.555
315	Phải trả người lao động		3.961.895.622	3.304.158.693
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	8.520.807.141	10.126.655.896
330	Nợ dài hạn		5.395.134.138	5.686.459.894
334	Vay và nợ dài hạn	15	5.330.558.281	5.560.533.868
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		64.575.857	125.926.026
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		49.750.677.347	46.870.130.482
410	Vốn chủ sở hữu		48.575.729.979	46.285.589.514
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	40.000.000.000	40.000.000.000
413	Vốn khác của chủ sở hữu		424.272.909	424.272.909
414	Cổ phiếu quỹ	16	(161.940.000)	(161.940.000)
417	Quỹ đầu tư phát triển	16	3.915.301.464	2.468.367.809
418	Quỹ dự phòng tài chính	16	1.078.865.606	754.888.796
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		100.000.000	-
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16	3.219.230.000	2.800.000.000
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		1.174.947.368	584.540.968
431	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.174.947.368	584.540.968
430	TỔNG NGUỒN VỐN		183.504.209.017	206.858.904.271

Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 19 tháng 01 năm 2008

Châu Thị Diệu Phương
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007****MẪU B 02 - DN****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Đơn vị tính: VND)

MS	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2007	Năm 2006
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	326.940.933.267	276.181.077.200
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	17	2.075.811.548	2.105.043.651
10	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	324.865.121.719	274.076.033.549
11	Giá vốn hàng bán	18	293.309.344.100	243.907.199.214
20	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.555.777.619	30.168.834.335
21	Doanh thu hoạt động tài chính	19	238.773.376	141.814.231
22	Chi phí tài chính	19	8.315.917.937	10.641.659.584
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>8.245.196.637</i>	<i>10.499.767.450</i>
24	Chi phí bán hàng		9.210.746.862	7.277.226.287
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		6.163.847.650	6.775.339.477
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.104.038.546	5.616.423.218
31	Thu nhập khác	20	1.325.433.291	7.599.479.416
32	Chi phí khác	20	182.538.182	5.096.069.917
40	Lợi nhuận khác		1.142.895.109	2.503.409.499
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.246.933.655	8.119.832.717
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	522.940.077
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.246.933.655	7.596.892.640
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	2.312	1.899

Trần Hưng Lương**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 19 tháng 01 năm 2008

Châu Thị Diệu Phương**Kế toán trưởng**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Đơn vị tính: VND)

MS	CHỈ TIÊU	Năm 2007	Năm 2006
	<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:</i>		
01	Lợi nhuận trước thuế	9.246.933.655	8.119.832.717
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
02	Khấu hao tài sản cố định	17.393.528.530	17.254.060.140
03	Các khoản dự phòng	(821.313.169)	416.430.000
05	Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	(6.163.847.650)	-
06	Chi phí lãi vay	-	10.499.767.450
08	Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLĐ	19.655.301.366	36.290.090.307
09	Tăng/Giảm các khoản phải thu	2.222.655.755	(2.096.330.013)
10	Tăng/Giảm hàng tồn kho	11.770.294.262	(2.422.171.561)
11	Tăng/Giảm các khoản phải trả	3.079.684.384	(1.376.787.173)
12	Tăng/Giảm chi phí trả trước	90.909.092	788.465.345
13	Tiền lãi vay đã trả	-	(10.303.454.623)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	2.204.410.445
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(249.593.600)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	36.569.251.259	23.084.222.727
	<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:</i>		
21	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	(2.444.819.920)	-
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	16.761.905
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(3.755.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	6.163.847.650	65.107.035
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(35.972.270)	81.868.940
	<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:</i>		
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	(81.940.000)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	238.928.624.557	214.581.174.501
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(268.182.200.891)	(236.203.952.878)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(5.980.770.000)	(4.391.200.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(35.234.346.334)	(26.095.918.377)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.298.932.655	(2.929.826.710)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3.536.497.354	6.466.324.064
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4.835.430.009	3.536.497.354

Trần Hưng Lương

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 19 tháng 01 năm 2008

Châu Thị Diệu Phương

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hoá từ Công ty Gạch men Thanh Thanh (Doanh nghiệp Nhà nước), đơn vị thành viên của Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1760/QĐ-BXD ngày 22/12/2003 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và thay đổi lần thứ tư 08/6/2006.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: THANH THANH JOINT - STOCK COMPANY, tên viết tắt là: TTC

Trụ sở chính Công ty tại Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 là 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng chẵn). Các cổ đông sáng lập theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 bao gồm:

<u>Stt</u>	<u>Tên cổ đông</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú</u>	<u>Số cổ phần</u>
1.	Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	9-19, Lầu 4, Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	204.000
2.	Vốn người lao động trong doanh nghiệp – đại diện là Ông Hoàng Quốc Trung	131/28-30, Nguyễn Văn Hường, Phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	138.931
3.	Vốn ngoài doanh nghiệp - đại diện là Ông Nguyễn Đức Lợi	E2-14, KP6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai	55.600
4.	Ông Hoàng Quốc Trung	131/28-30, Nguyễn Văn Hường, Phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	820
5.	Ông Nguyễn Đức Lợi	E2-14, KP6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai	249
6.	Ông Vũ Ngọc Toàn	183/B40, Lê Đức Thọ, P16, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	200
7.	Ông Nguyễn Đức Dũng	183, Hồ Văn Huê, P9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	100
8.	Bà Dương Thị Tuyết	17/44, Lê Thánh Tôn, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	100

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và các Đăng ký thay đổi lần 1,2,3 và lần 4, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất và mua bán các loại vật liệu xây dựng; mua bán vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng; xây lắp công nghiệp; khai thác và chế biến khoáng sản; kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch; tư vấn, chuyên giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng./

Trong năm 2007, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các loại gạch ốp, lát.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 3 tháng đến 3 năm so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (Năm)

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	8
Phương tiện vận tải	07 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản Đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản Đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản Đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản Đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá Đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo quy định tại Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan khác, Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN 15%, được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trước năm 2007 nên Công ty được giảm thêm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 2 năm kể từ khi thực hiện giao dịch ngoài các ưu đãi theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Tổng hợp các ưu đãi nói trên, Công ty được miễn thuế TNDN trong 5 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm tiếp theo Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp được thay thế bằng Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ áp dụng cho kỳ tính thuế từ năm 2007. Theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ, các điều kiện ưu đãi, thuế suất và mức ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định cũ vẫn được áp dụng cho thời gian ưu đãi còn lại của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN****5. TIỀN**

	31/12/2007	31/12/2006
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	833.140.712	1.677.760.859
Tiền gửi Ngân hàng	4.002.289.297	1.858.736.495
Tổng	4.835.430.009	3.536.497.354

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2007	31/12/2006
	(VND)	(VND)
Cổ phiếu Công ty CP Sản xuất VLXD Cosevco	3.030.000.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Cơ điện lạnh	272.000.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	266.000.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Đá Hoá An	187.000.000	-
Tổng	3.755.000.000	-

s

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2007	31/12/2006
	(VND)	(VND)
Nguyên liệu, vật liệu	28.481.168.016	30.437.040.619
Công cụ, dụng cụ	1.966.148.571	2.139.060.408
Thành phẩm	26.326.844.060	35.968.353.882
Tổng	56.774.160.647	68.544.454.909
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(536.265.000)	(1.296.228.000)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	56.237.895.647	67.248.226.909

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Năm 2007	Năm 2006
	(VND)	(VND)
Tại ngày 01 tháng 01	-	-
Phát sinh trong năm	2.071.878.841	-
Tăng tài sản cố định	1.433.709.824	-
Tổng	638.169.017	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN****9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

(Đơn vị tính: VND)

Năm 2007	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
<i>Nguyên giá</i>					
Tại ngày 01/01	21.640.700.672	199.583.653.082	5.478.291.991	265.045.652	226.967.691.397
Tăng trong năm	1.433.709.824	283.177.650	68.571.429	21.192.000	1.806.650.903
Mua trong năm	1.433.709.824	283.177.650	68.571.429	21.192.000	1.806.650.903
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	23.074.410.496	199.866.830.732	5.546.863.420	286.237.652	228.774.342.300
<i>Hao mòn lũy kế</i>					
Tại ngày 01/01	11.422.275.100	111.773.972.535	3.459.185.603	208.573.604	126.864.006.842
Tăng trong năm	1.087.555.656	15.629.851.548	410.827.251	54.911.767	17.183.146.222
Do trích khấu hao	1.087.555.656	15.629.851.548	410.827.251	54.911.767	17.183.146.222
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	12.509.830.756	127.403.824.083	3.870.012.854	263.485.371	144.047.153.064
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01	10.218.425.572	87.809.680.547	2.019.106.388	56.472.048	100.103.684.555
Tại ngày 31/12	10.564.579.740	72.463.006.649	1.676.850.566	22.752.281	84.727.189.236

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị lợi thế thương mại phát sinh khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, cổ phần hoá Công ty Gạch men Thanh Thanh. Giá trị lợi thế thương mại đã được hạch toán là tài sản cố định vô hình và trích khấu hao trong 20 năm từ khi Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh chính thức hoạt động từ năm 2004.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Số liệu trên khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì số 1 với số tiền 1.920.000.000 đồng. Tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bao bì số 1 là 8.000.000.000 đồng, khoản đầu tư của Công ty tương đương với 24% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bao bì số 1 có trụ sở và nhà xưởng tại tỉnh Bình Dương, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất bao bì.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2007 (VND)	31/12/2006 (VND)
Vay ngắn hạn	58.950.708.017	78.498.308.764
NH Đầu tư và Phát triển Đồng Nai	58.950.708.017	70.888.386.740
Vay Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	-	7.006.496.202
Quỹ tập trung Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	-	603.425.822
Vay dài hạn đến hạn trả	-	9.476.000.000
NH Đầu tư và Phát triển Đồng Nai	-	9.476.000.000
Tại ngày 31 tháng 12	58.950.708.017	87.974.308.764

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN****12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

Các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai được thực hiện theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức có mức dư nợ tối đa là 75.000.000.000 đồng đối với các khoản vay bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ (USD), thời hạn vay cho từng khế ước nhận nợ từ 5 đến 6 tháng. Lãi suất vay 0,95%/tháng đến 0,97%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng dây chuyền sản xuất gạch của Công ty.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2007	31/12/2006
	(VND)	(VND)
Thuế giá trị gia tăng	-	347.010.478
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	522.940.077
Thuế khác	2.018.258	-
Tổng	2.018.258	869.950.555

14. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2007	31/12/2006
	(VND)	(VND)
Kinh phí công đoàn	130.384.567	97.485.991
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	461.760.186	526.889.767
Nhận ký quỹ	5.950.000.000	6.350.000.000
Phải trả khác	1.978.662.388	3.152.280.138
Tổng	8.520.807.141	10.126.655.896

Số dư các khoản nhận ký quỹ là tiền nhận ký quỹ của các đại lý bán hàng cho Công ty.

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Số dư vay và nợ dài hạn thể hiện khoản vay của Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1. Khoản vay này không có tài sản thế chấp, có thời hạn trả nợ đến năm 2011, lãi suất 0,2%/năm. Mục đích vay để tăng đầu tư dây chuyền thiết bị nâng cao năng lực sản xuất của Công ty.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2007	31/12/2006
	(VND)	(VND)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	20.400.000.000	20.400.000.000
Các cổ đông khác	19.600.000.000	19.600.000.000
Tổng	40.000.000.000	40.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****Biến động vốn chủ sở hữu***(Đơn vị tính: VND)*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2006	40.000.000.000	(80.000.000)	642.675.169	374.888.796	2.400.000.000	43.337.563.965
Mua lại cổ phiếu trong năm	-	(81.940.000)	-	-	-	(81.940.000)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	7.596.892.640	7.596.892.640
Trích lập các quỹ	-	-	1.825.692.640	380.000.000	(2.805.692.640)	(600.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.391.200.000)	(4.391.200.000)
Tại ngày 31/12/2006	40.000.000.000	(161.940.000)	2.468.367.809	754.888.796	2.800.000.000	45.861.316.605
Tại ngày 01/01/2007	40.000.000.000	(161.940.000)	2.468.367.809	754.888.796	2.800.000.000	45.861.316.605
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	9.246.933.655	9.246.933.655
Trích lập các quỹ	-	-	1.446.933.655	460.000.000	(2.846.933.655)	(940.000.000)
Xử lý tài sản thiếu	-	-	-	(136.023.190)	-	(136.023.190)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.980.770.000)	(5.980.770.000)
Tại ngày 31/12/2007	40.000.000.000	(161.940.000)	3.915.301.464	1.078.865.606	3.219.230.000	54.032.227.070

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**Cổ phiếu**

	31/12/2007	31/12/2006
	(VND)	(VND)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ	-	-
- <i>Cổ phiếu thường</i>	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số cổ phiếu được mua lại	12.800	12.800
- <i>Cổ phiếu thường</i>	12.800	12.800
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.987.200	3.987.200
- <i>Cổ phiếu thường</i>	3.987.200	3.987.200
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

17. DOANH THU

	Năm 2007	Năm 2006
	(VND)	(VND)
Doanh thu bán thành phẩm	326.940.933.267	276.181.077.200
Doanh thu khác	-	-
Tổng	326.940.933.267	276.181.077.200
Các khoản giảm trừ	2.075.811.548	2.105.043.651
Doanh thu thuần	324.865.121.719	274.076.033.549

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2007	Năm 2006
	(VND)	(VND)
Giá vốn thành phẩm	293.309.344.100	243.907.199.214
Giá vốn khác	-	-
Tổng	293.309.344.100	243.907.199.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****19. DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2007	Năm 2006
	(VND)	(VND)
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	85.173.376	120.609.398
Khác	153.600.000	21.204.833
Tổng	238.773.376	141.814.231
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	8.245.196.637	10.499.767.450
Lỗ chênh lệch tỷ giá	70.721.300	141.892.134
Tổng	8.315.917.937	10.641.659.584
Thu nhập tài chính - thuần	(8.077.144.561)	(10.499.845.353)

20. THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2007	Năm 2006
	(VND)	(VND)
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	-	809.280.905
Nhượng bán vật tư	156.035.688	47.030.600
Các khoản khác	1.169.397.603	6.743.167.911
Tổng	1.325.433.291	7.599.479.416
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	1.054.698.175
Giá vốn vật tư nhượng bán	151.254.182	37.214.873
Các chi phí khác	31.284.000	4.004.156.869
Tổng	182.538.182	5.096.069.917
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	1.142.895.109	2.503.409.499

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2007	Năm 2006
	(VND)	(VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	227.396.887.961	191.686.870.282
Chi phí nhân công	20.825.796.695	17.897.464.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.332.941.205	17.249.296.578
Chi phí động lực	18.533.540.775	16.797.935.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.897.737.007	3.882.664.516
Chi phí khác	7.071.321.493	6.206.501.746
Tổng	295.058.225.136	253.720.733.245

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.246.933.655	8.119.832.717
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bất động sản</i>	-	1.867.643.131
<i>Lợi nhuận hoạt động sản xuất gạch men</i>	9.246.933.655	6.252.189.586
Thuế suất áp dụng	15%	28%
<i>Chi phí thuế đối với hoạt động kinh doanh BĐS</i>	-	522.940.077
<i>Chi phí thuế đối với hoạt động sản xuất</i>	1.387.040.048	1.750.613.084
<i>Chi phí thuế đối với hoạt động sản xuất được miễn</i>	(1.387.040.048)	(1.750.613.084)
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	-	522.940.077
Chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	522.940.077
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	522.940.077

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là 1.059.300 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng, lãi cơ bản trên cổ phiếu như sau:

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.246.933.655	7.596.892.640
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Điều chỉnh chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã phân loại vào vốn chủ sở hữu</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.246.933.655	7.596.892.640
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.312	1.899

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch mua bán

	Năm 2007	Năm 2006
	(VND)	(VND)
Các giao dịch bán		
Công ty Cơ khí Tân Định	662.159.738	1.530.544.934
Các giao dịch mua		
Công ty Cơ khí Tân Định	3.840.114.358	2.198.775.440
Chi phí lãi vay		
Chi phí lãi vay cho các khoản vay Tổng Công ty VLXD số 1	277.115.865	378.867.162

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2007	31/12/2006
	(VND)	(VND)
Các khoản phải trả tiền vay		
Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1	5.330.558.281	7.006.496.202

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Số liệu của khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2007 là giá trị đầu tư của một số loại cổ phiếu. Sau ngày kết thúc niên độ kế toán, giá thị trường của một số loại cổ phiếu đã giảm xuống so với giá thị trường tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Tuy nhiên, tổng giá trị thu hồi ước tính của các khoản đầu tư ngắn hạn vẫn cao hơn giá trị ghi nhận trên sổ sách kế toán.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được kiểm toán.

Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 19 tháng 01 năm 2008

Châu Thị Diệu Phương
Kế toán trưởng